

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2050, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống của Nhân dân, phòng, tránh và giảm thiểu các tác hại của biến đổi khí hậu; chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đến năm 2030:

+ Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

+ Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững.

+ Tiến hành khôi phục rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển để bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững; nâng độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh lên 58%¹.

+ Bảo đảm ít nhất 95%² dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh,

¹ Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025.

² Thực hiện theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ

trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

+ Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở đô thị.

+ Bảo đảm 80%³ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70%⁴ các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.

- Đến năm 2050:

+ Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

+ Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 58% và tập trung nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu; Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

+ Bảo đảm 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn; tăng cường khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn trước tác động của biến đổi khí hậu.

+ Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo mức thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

b) Giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính giảm 43,5%

^{3, 4} Thực hiện theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ

so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Các cơ sở trên địa bàn tỉnh có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2.000 tấn CO₂đ (CO₂ tương đương) trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh đạt mức phát thải ròng bằng “0”. Các cơ sở trên địa bàn tỉnh có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 200 tấn CO₂đ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên: Rà soát, tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành; cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước; quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản chưa khai thác và bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm trong khai thác; khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, tăng cường cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nông nghiệp và an ninh lương thực: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy mô và cơ cấu sản xuất phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; cải thiện nhanh hơn đời

sống của nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Rừng và các hệ sinh thái: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp, trọng tâm là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định và các văn bản liên quan; phát triển lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật có sự thống nhất giữa quản lý, bảo vệ, phát triển rừng với sử dụng rừng, chế biến, thương mại lâm sản và các dịch vụ hệ sinh thái rừng trên cơ sở có sự tham gia của các bên có liên quan, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát huy tiềm năng về khí hậu, đất đai và lợi thế so sánh; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại và đổi mới, sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị tổng hợp của rừng; đẩy mạnh việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng theo cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng; tập trung bảo vệ và hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng phòng hộ của rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học; tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản liên quan.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Y tế và sức khỏe: Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, ven biển đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu; xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng, nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới: Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân; nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

b) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Dự báo và cảnh báo sớm: Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển. Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai.

- Công trình phòng chống thiên tai: Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của thiên tai và khí hậu cực đoan gây ra. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển. Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán.

- Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu: Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, tai biến địa chất; nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

a) Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 giảm 30% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2020. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO₂tđ trở lên. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực

công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính từ năm 2026.

- Đến năm 2050:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 40% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 2.000 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO₂đ trở lên từ năm 2050. Mọi cơ sở thuộc khu vực công phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính theo quy định.

Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày trở thành vấn đề đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

- Lĩnh vực năng lượng:

+ Về cung cấp năng lượng: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nghiên cứu phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; khuyến khích, thu hút đầu tư, nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió, điện sinh khối, thủy điện... trên địa bàn tỉnh; tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng.

+ Về sử dụng năng lượng: Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan trong trồng trọt, chăn nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp...; phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây

trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; áp dụng các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

- Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất: Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính; phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc.

- Lĩnh vực chất thải: Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

- Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp: Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thay than đá bằng khí tự nhiên trong sản xuất gạch ốp lát; sử dụng vật liệu thay thế trong sản xuất kính. Áp dụng công nghệ thu giữ các-bon trong các lĩnh vực sản xuất xi măng. Giảm dần sử dụng các môi chất lạnh Hydro-cloro-fluoro-carbon (HCFC) và Hydro-fluoro-carbon (HFC) trong chuổi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua các giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động; thúc đẩy việc thu hồi, tái sử dụng, tiêu hủy, tái chế môi chất lạnh và tiến tới sử dụng môi chất lạnh có tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP) thấp.

3. Rà soát hoàn thiện cơ chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia phù hợp với mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với các mục tiêu Chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

- Tiếp tục rà soát, thực hiện các nội dung:

- + Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí

hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

+ Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành và cấp tỉnh đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá hiệu quả các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tích hợp nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính vào quy hoạch phát triển đô thị nhằm giảm nhu cầu năng lượng, tài nguyên và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; các chính sách thương mại và phát triển thúc đẩy phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng và suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình.

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông cấp tỉnh, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính hướng tới phát thải ròng bằng “0”, thông tin về công nghệ của tương lai và các kỹ năng có liên quan; hướng dẫn, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi có tình huống thiên tai nghiêm trọng, phức tạp.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi

khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên.

d) Phát triển khoa học và công nghệ

- Tiếp nhận các nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải ít các-bon trong các ngành sản xuất để thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và huy động đầu tư.

- Lồng ghép nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của tỉnh. Ưu tiên nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, bổ sung, xây dựng các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền của tỉnh, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Hằng năm, rà soát, lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris và các cơ chế tài chính quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính có tiềm năng như thu và lưu trữ các-bon, phát triển năng lượng hydro xanh, pin năng lượng, năng lượng hạt nhân và các nguồn năng lượng mới có tiềm năng khác; thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Định kỳ cập nhật và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định, Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh và các báo cáo về biến đổi khí hậu.

III. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2050 (Phụ lục Danh mục kèm theo Kế hoạch này).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050 bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn của tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; đồng thời, lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan và nguồn huy động đóng góp từ tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động theo Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Bình Định.

- Tăng cường năng lực triển khai nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6385/UBND-KT ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

- Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính đóng trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch theo thẩm quyền.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực, kiến thức của các cán bộ công chức các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng về biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm trước ngày 31/12, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các Sở: Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng

- Rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành phù hợp với các mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; triển khai thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Tăng cường năng lực triển khai kết quả tham dự Hội nghị COP26 trên địa bàn tỉnh. Tham gia hoàn thiện và thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính, hệ thống “đo đạc, báo cáo, thẩm định” hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo lĩnh vực.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì thực hiện việc rà soát, tích hợp, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn đầu tư công cho các đơn vị, địa phương liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

- Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch theo thẩm quyền, bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

- Tích hợp mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động theo Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Bình Định.

- Chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tổ chức hội thảo, trao đổi học hỏi kinh nghiệm, tập huấn về ứng phó với biến đổi khí hậu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và tham gia các chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch.

8. Khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức trong nước và quốc tế trong việc phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và chủ động thực hiện, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, tham gia vào quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050, đề nghị các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ + CV VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BĐKH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện (năm)
1	Cấm móc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023 - 2025
2	Điều tra, đánh giá và xây dựng các vị trí quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023 - 2025
3	Xây dựng Đề án truyền thông, nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu cho cơ quan quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
4	Truyền thông nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và cộng đồng về thị trường các bon, các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon (Xây dựng chương trình tập huấn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân về thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cơ sở giai đoạn 2023 - 2025)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
5	Xây dựng và tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành, cấp địa phương trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng liên thông với cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh và kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030

7	Điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng; đánh giá các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025 - 2030
8	Triển khai thực hiện lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải phương tiện giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Khoa học & Công nghệ, Công Thương, UBND các địa phương	2021 - 2030
9	Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, UBND các địa phương	2021 - 2025
10	Đề án Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến Quốc lộ 19B và tuyến đường địa phương kết nối Quốc lộ 1	Sở Giao thông vận tải	Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương	2021 - 2025
11	Kế hoạch Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hằng năm
12	Thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng, giao khoán bảo vệ rừng, khoán khoán nuôi tái sinh rừng, trồng rừng theo các chương trình dự án lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương	2023 - 2030
13	Đề án quản lý hạn tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, và các đơn vị có liên quan	2023-2025
14	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý lũ trên các lưu vực sông Côn - Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang - Tam Quan	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan	2022-2030
15	Lập đề án an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập đập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2045; xác định nhu cầu dùng nước cho các ngành theo thời gian, đề xuất các giải pháp (thời gian lập đề án 2024-2025; triển khai thực hiện 2026-2045)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan	2024-2045

16	Rà soát, đánh giá các công trình cấp nước sạch đô thị, nông thôn đề xuất các giải pháp (nếu có) để đảm bảo các mục tiêu cấp nước sạch đến 2025, 2030; Xây dựng kế hoạch đầu tư công 2026-2030.	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan	2022-2030
17	Xây dựng Đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ thích ứng với điều kiện nguồn nước; sử dụng giống cây trồng, vật nuôi sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, UBND cấp huyện, và các đơn vị liên quan	2023-2030
18	Nghiên cứu giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và các đơn vị liên quan, UBND cấp huyện	2022-2025
19	Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước sạch nông thôn theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Bình Định	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND cấp huyện	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, các cơ quan liên quan và UBND cấp huyện	2022-2045
20	Rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn đập; Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030; sau 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, và UBND cấp huyện	2025-2030
21	Đánh giá hiệu quả hệ thống tưới Định Bình – Văn Phong sau đầu tư (>5năm) và đề xuất các giải pháp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	2023-2025
22	Lập, rà soát điều chỉnh quy trình vận hành các đập, hồ chứa thủy lợi, thủy điện	Công ty Khai thác CTTL; các Công ty thủy điện; Tổ chức thủy lợi cơ sở	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương và UBND cấp huyện	2023-2025
23	Phối hợp xây dựng hệ thống trực canh, cảnh báo và theo dõi, giám sát đa thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Tổng cục Phòng chống thiên tai - Bộ NN và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành và UBND các địa phương.	2021-2025
24	Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc, giám sát vận hành đập, hồ chứa nước theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	Các Công ty: Khai thác công trình thủy lợi; thủy điện	Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương và UBND cấp huyện	2023-2030
25	Xây dựng kết nối các trạm thủy văn chuyên dùng trên các lưu vực sông, hồ đập để quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước theo thời gian thực	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Tài nguyên và Môi trường.	2023-2030
26	Tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập thủy lợi, thủy điện	Công ty KTCT thủy lợi; các công ty thủy điện	Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương và UBND cấp huyện	Thường xuyên

27	Xây dựng chuyển đổi số Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định; Phát triển và ứng dụng phần mềm.	Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và PTNT, VNPT và UBND cấp huyện, xã	2022-2030
28	Xây dựng phần mềm ứng dụng trên điện thoại thông minh (phiên bản truy suất dữ liệu theo danh mục công trình và một số thông số kỹ thuật chính), máy tính về CSDL thủy lợi trên địa bàn tỉnh (phiên bản đầy đủ)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin truyền thông, UBND cấp huyện, xã	2022-2025
29	Khảo sát, đánh giá tình trạng khai thác cát trên sông, suối tỉnh Bình Định, đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn bờ sông, suối các công trình thủy lợi trên sông.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và UBND cấp huyện	2023-2024
30	Rà soát, đánh giá hệ thống đê sông, đê biển; Xây dựng phân cấp hệ thống đê trên địa bàn tỉnh Bình Định, áp dụng thực hiện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp và UBND cấp huyện	2022-2030
31	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp; Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan	2022-2030
32	Tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch PCTT cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025-2030
33	Xây dựng nhà trú, tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương	2025-2030
34	Tập huấn nâng cao năng lực về PCTT thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ làm công tác PCTT cấp huyện, cấp xã	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương	2023-2030
35	Ứng dụng vật liệu thân thiện với môi trường, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh phục vụ quản lý nguồn nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng, các sở ngành liên quan và UBND cấp huyện	2023-2030
36	Thực hiện chuyển đổi số để chủ động quản lý, điều tiết nguồn nước, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở ngành liên quan và UBND cấp huyện	2023-2030

37	Trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn cho 64 hồ chứa lớn, rừng ven biển; kế hoạch triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và PTNT; Các Công ty Lâm nghiệp; UBND cấp huyện	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	2023-2030
38	Chuyển rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, đặc biệt các vùng có nguy cơ sạt lở, vùng đồi núi có độ dốc lớn hơn 15 độ; kế hoạch triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện	2023-2045